SƠ ĐỒ PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP
TỈNH TIỀN GIANG

DANH MỤC CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)			Địa điểm (cấp huyện)
		Quy hoạch	Hiện trạng	Thực hiện	
I	**Hiện trạng 2020**				
1	Cụm công nghiệp Trung An		17,46		TP. Mỹ Tho
2	Cụm Công nghiệp Tân Mỹ Chánh		23,571		TP. Mỹ Tho
3	Cụm công nghiệp An Thạnh		9,99		huyện Cái Bè
4	Cụm công nghiệp Gia Thuận 1		50		huyện Gò Công Đông
	Tổng cộng I		101		
II	**Quy hoạch thời kỳ 2021-2030**				
1	Cụm công nghiệp Mỹ Phước Tây	50		50	Thị xã Cai Lậy
2	Cụm công nghiệp Mỹ Hạnh Trung	50		50	Thị xã Cai Lậy
3	Cụm công nghiệp Mỹ Hạnh Đông	50		50	Thị xã Cai Lậy
4	Cụm công nghiệp Mỹ Phước Tây 2	50		50	Thị xã Cai Lậy
5	Cụm công nghiệp Mỹ Lợi	50		50	Thị xã Gò Công
6	Cụm công nghiệp Bình Xuân	75		75	Thị xã Gò Công
7	Cụm công nghiệp Hậu Thành	25		25	Huyện Cái Bè
8	Cụm công nghiệp An Cư	50		50	Huyện Cái Bè
9	Cụm công nghiệp Long Trung	50		50	Huyện Cai Lậy
10	Cụm công nghiệp Phú Cường	50		50	Huyện Cai Lậy
11	Cụm công nghiệp Phước Lập	60		60	Huyện Tân Phước
12	Cụm công nghiệp Thạnh Tân	50		50	Huyện Tân Phước
13	Cụm công nghiệp Long Bình	20		20	Huyện Gò Công Tây
14	Cụm công nghiệp Long Bình 2	50		50	Huyện Gò Công Tây
15	Cụm công nghiệp Vĩnh Hựu	38		38	Huyện Gò Công Tây
16	Cụm công nghiệp Vĩnh Hựu 2	32		32	Huyện Gò Công Tây
17	Cụm công nghiệp Đồng Sơn	70		70	Huyện Gò Công Tây
18	Cụm công nghiệp Tân Lý Đông	50		50	Huyện Châu Thành
19	Cụm công nghiệp Gia Thuận 2	50		50	Huyện Gò Công Đông
20	Cụm công nghiệp Phước Trung	30		30	Huyện Gò Công Đông
21	Cụm công nghiệp Phú Thạnh	75		75	Huyện Tân Phú Đông
22	Cụm công nghiệp Phú Tân	75		75	Huyện Tân Phú Đông
23	Cụm CN Thạnh Hòa	75		75	Huyện Tân Phước
24	Cụm CN Mỹ Phước 1	75		75	Huyện Tân Phước
25	Cụm CN Mỹ Phước 2	75		75	Huyện Tân Phước
26	Cụm CN Mỹ Phước 3	50		50	Huyện Tân Phước
	Tổng cộng II			1.375	
	Tổng cộng I + II			1.476	

Ghi chú: *Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.*

DANH MỤC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
I	**Các khu công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022**		
1	Khu CN Mỹ Tho	TP. Mỹ Tho	79,1
2	Khu CN Tân Hương	Huyện Châu Thành	197,3
3	Khu CN Long Giang	Huyện Châu Thành	540,0
4	Khu CN Dịch vụ dầu khí Soài Rạp	Huyện Gò Công Đông	285,3
5	Khu CN Bình Đông	TX. Gò Công	212
6	Khu CN Tân Phước 1	Huyện Tân Phước	470
	Tổng cộng		**1.783,6**
II	**Các khu công nghiệp thành lập mới khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp đến năm 2030**		
1	KCN Tân Phước 2 (mở rộng thêm giai đoạn 2)	Huyện Tân Phước	450
2	KCN Tân Phước 3	Huyện Tân Phước	300
3	KCN Tân Phước 4	Huyện Tân Phước	300
4	KCN Tân Phước 5	Huyện Tân Phước	300
5	KCN Phú Tân	Huyện Tân Phú Đông	225
	Tổng cộng		**1.575**
	Tổng diện tích (I+II)		**3.358,6**

CHÚ GIẢI

Hiện trạng

- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới huyện
- Ranh giới xã
- 1.2 Điểm độ cao địa hình
- UBND tỉnh / huyện
- Cao tốc
- Quốc lộ
- Đường tỉnh
- Đường huyện
- Đường thủy nội địa
- Đường sắt
- Ranh giới vùng phục hồi diện tích biển xâm lấn

Quy hoạch

- Bến xe
- Cầu
- Cảng biển cấp 1
- Cảng tổng hợp cấp 1
- Cảng chuyên dùng cấp *
- Cảng cá cấp *
- Trường Đại học
- Trường Trung học phổ thông
- Khu công nghiệp
- Cụm công nghiệp
- Di tích văn hóa cấp Quốc gia
- Bệnh viện tuyến tỉnh
- Chợ hạng 1
- Sân vận động cấp tỉnh
- Nhà ga đường sắt

Phân vùng chức năng

- Vùng sinh thái bảo tồn thiên nhiên Đồng Tháp Mười
- Vùng kinh tế biển
- Vùng Gò Công Tây
- Vùng sinh thái công nghiệp Tân Phước
- Vùng sinh thái nông nghiệp Đồng Tháp Mười
- Vùng thành phố Gò Công
- Vùng đô thị trung tâm
- Vùng đô thị vườn
- Vùng đô thị, du lịch sinh thái ven sông Tiền

Phân vùng khu công nghiệp, khu kinh tế biển

- Vùng công nghiệp Tân Phước
- Vùng công nghiệp Gò Công
- Vùng kinh tế biển (Gò Công Đông và Tân Phước)

(Giai đoạn lập dự án sẽ khảo sát đo đạc xác định cụ thể)

QUY HOẠCH TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

SƠ ĐỒ PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG
IN THU TỶ LỆ 1:50.000

(Kèm theo hồ sơ trình thẩm định, trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch tại Tờ trình số ..... ngày ... tháng ... năm ..... của .....; hoặc đã cập nhật, bổ sung, hoàn thiện theo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch số ..... ngày ... tháng ... năm ..... của .....)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TIỀN GIANG	SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH TIỀN GIANG	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG	CÔNG TY HASKONING DHV NEDERLAND B.V
Tiền Giang, ngày .... tháng .... năm 20....	*Tiền Giang, ngày .... tháng .... năm 20....*	*Tiền Giang, ngày .... tháng .... năm 20....*	*Tiền Giang, ngày .... tháng .... năm 20....*	*Tiền Giang, ngày .... tháng .... năm 20....*

Hệ tọa độ: VN-2000
Nguồn tài liệu: - CSDL nền địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000
- CSDL địa lý quy hoạch tỉnh Tiền Giang
- Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Tiền Giang

TỶ LỆ 1: 50 000 10 5 0 10 Km